TÒA ÁN ND TP.THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 447/2018/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 28 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 548/2018/TLST/HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Tổ H, phường G, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Bị Đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Tổ H, phường G, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2018 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và an Nguyễn Đức T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Vũ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức Tùng L, sinh ngày 24/7/2008 cho đến khi con thành niên hoặc đến có sự thay đổi khác. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị N và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị N và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Vũ Thị N nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006635 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn trả chị N 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- T.H.A DS TP Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND phường Gia Sàng;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc